

Số: 116 QĐ-BQLVQGPB

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về giao dự toán NSNN năm 2023 cho các sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng và đoàn thể, các hội đặc thù và các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình với số tiền: 3.625.100.000 đồng (Ba tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng chẵn) để thực hiện các nhiệm vụ chi năm 2023.
(theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình, Giám đốc trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ môi trường rừng và các phòng có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN huyện Ninh Sơn;
- Ban Giám đốc Vườn;
- Lưu VT;KHTC.



Nguyễn Công Vân

Tên đơn vị: Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình

Chương: 599



**DỰ TOÁN THU - CHI NSNN ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-BQLVQG PB ngày 11 tháng 12 năm 2022)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				VP. Ban QLVQG Phước Bình	Trung tâm GDMT và DVMT rừng
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	154	154	54	100
1	Số thu phí, lệ phí	154	154	54	100
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	154	154	54	100
	Phí chi trả dịch vụ môi trường rừng	54	54	54	
	Phí tham quan	100	100		100
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	154	154	54	100
2.1	Chi sự nghiệp	154	154	54	100
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	100	100		100
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	54	54	54	
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.625,10	3.625,10	2.698,58	926,52
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi hoạt động kinh tế	3.625,10	3.625,10	2.698,58	926,52
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.142,18	3.142,18	2.329,77	812,41
2.2	Kinh phí tiết kiệm 10% CCTL	48,42	48,42	35,46	12,96
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	434,50	434,50	333,35	101,15
	Chi trả phụ cấp theo NĐ 76/2019/NĐ-CP	434,50	434,50	333,35	101,15